|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO****THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I****NĂM HỌC 2024-2025 - MÔN: GDKTPL 11** |
| **TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN** |  |

**Câu 1:** Một trong những nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là do có sự khác nhau về

 **A.** điều kiện sản xuất. **B.** giá trị thặng dư.

 **C.** nguồn gốc hàng hóa. **D.** quan hệ tài sản.

**Câu 2:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi trên thị trường xảy ra hiện tượng cung lớn hơn cầu thì sẽ làm cho giá cả hàng hóa có xu hướng

 **A.** giữ nguyên. **B.** giảm. **C.** bằng giá trị. **D.** tăng.

**Câu 3:** Khi lạm phát xảy ra làm cho giá cả hàng hóa không ngừng tăng, dẫn đến tình trạng tiêu cực nào dưới đây đối với nền kinh tế?

 **A.** Nhiều công ty nhỏ thành lập mới. **B.** Nhiều người có việc làm mới.

 **C.** Đầu cơ tích trữ hàng hóa. **D.** Đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh.

**Câu 4:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi trên thị trường giá cả giảm thì xảy ra trường hợp nào sau đây?

 **A.** Cung và cầu giảm. **B.** Cung tăng, cầu giảm.

 **C.** Cung và cầu tăng. **D.** Cung giảm, cầu tăng.

**Câu 5:**  Mối quan hệ giữa số lượng cung và giá cả hàng hoá vận động như thế nào với nhau?

 **A.** Tỉ lệ thuận. **B.** Không liên quan.

 **C.** Tỉ lệ nghịch. **D.** Bằng nhau.

**Câu 6:** Trường hợp nào sau đây được gọi là cầu?

 **A.** Chị C muốn mua ô tô nhưng chưa có tiền.

 **B.** Anh A mua xe máy thanh toán trả góp.

 **C.** Ông B mua xe đạp hết 1 triệu đồng.

 **D.** Trời nắng nóng nên chị H có nhu cầu mua điều hòa.

**Câu 7:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá cạnh tranh dùng để gọi tắt cho cụm từ nào sau đây?

 **A.** Cạnh tranh kinh tế. **B.** Cạnh tranh chính trị.

 **C.** Cạnh tranh sản xuất. **D.** Cạnh tranh thương mại.

**Câu 8:** Biện pháp nào dưới đây **không** có tác dụng trong việc kiềm chế và kiểm soát lạm phát do chi phí đẩy?

 **A.** Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư.

 **B.** Cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lao động.

 **C.** Giảm thuế.

 **D.** Tăng thuế.

**Câu 9:** Giả sử cung về ô tô trên thì trường là 30.000 chiếc, cầu về mặt hàng này là 20.000 chiếc, giá cả của mặt hàng này trên thị trường sẽ

 **A.** giảm. **B.** tăng mạnh. **C.** tăng. **D.** ổn định.

**Câu 10:**  Một trong những biện pháp để góp phần kiểm soát và kiềm chế lạm phát là nhà nước

 **A.** giảm mạnh lãi suất. **B.** tăng mạnh cung tiền.

 **C.** đẩy mạnh chi tiêu công. **D.** cắt giảm chi tiêu công.

**Câu 11:** Một trong những đặc trưng cơ bản phản ánh sự cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế đó là giữa họ luôn luôn có sự

 **A.** thỏa hiệp. **B.** giành giật. **C.** ganh đua. **D.** ký kết.

**Câu 12:** Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

 **A.** khủng hoảng. **B.** lạm phát. **C.** thất nghiệp. **D.** cạnh tranh.

**Câu 13:** Khi mức độ tăng giá của hàng hóa và dịch vụ ở một con số điều đó phản ánh mức độ lạm phát của nền kinh tế đó ở mức độ

 **A.** siêu lạm phát. **B.** lạm phát vừa phải.

 **C.** lạm phát phi mã. **D.** không đáng kể.

**Câu 14:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì xác định tương ứng với giá cả và

 **A.** nhu cầu xác định. **B.** thu nhập xác định.

 **C.** sản xuất xác định. **D.** khả năng xác định.

**Câu 15:** Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên sẽ làm cho cầu về hóa hóa tăng lên từ đó thúc đẩy cung về hàng hóa

 **A.** giữ nguyên. **B.** giảm xuống. **C.** tăng lên. **D.** không đổi.

**Câu 16:** Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ làm cho giá trị đồng tiền của nước đó như thế nào?

 **A.** Không thay đổi giá trị. **B.** Ngày càng tăng giá trị.

 **C.** Tăng giá trị phi mã. **D.** Mất giá nhanh chóng.

**Câu 17:** Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ gây ra hiện tượng như thế nào đối với nền kinh tế đó?

 **A.** Sụp đổ hoàn toàn. **B.** Hiệu ứng tích cực.

 **C.** Bất ổn nghiêm trọng. **D.** Cung tăng liên tục.

**Câu 18:** Khi lạm phát xảy ra, trong xã hội hiện tượng nào dưới đây có xu hướng gia tăng?

 **A.** Phân hóa giàu nghèo. **B.** Tiêu dùng đa dạng.

 **C.** Thu nhập thực tế. **D.** Tiền lương thực tế.

**Câu 19:** Người sản xuất, kinh doanh cố giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những

 **A.** tính chất của cạnh tranh.

 **B.** nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

 **C.** Vai trò của cạnh tranh.

 **D.** nguyên nhân của sự ra đời hàng hóa.

**Câu 20:** Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh không lành mạnh **không** thể hiện ở việc các chủ thể kinh tế tìm các biện pháp để

 **A.** đầu cơ tích trữ nâng giá . **B.** hạ giá thành sản phẩm.

 **C.** làm giả thương hiệu. **D.** hủy hoại môi trường.

**Câu 21:** Quan hệ cung - cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa các chủ thể kinh tế nào dưới đây

 **A.** Chủ thể sản xuất và chủ thể trung gian.

 **B.** Người kinh doanh với Nhà nước.

 **C.** Người sản xuất với người tiêu dùng.

 **D.** Doanh nghiệp với doanh nghiệp.

**Câu 22:** Một trong nhưng nguyên nhân dẫn tới hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế là do

 **A.** chi phí sản xuất tăng cao. **B.** các yếu tố đầu vào giảm.

 **C.** chi phí sản xuất giảm sâu. **D.** chi phí sản xuất không đổi.

**Câu 23:** Nhu cầu về mặt hàng vật liệu xây dựng tăng mạnh vào cuối năm, nhưng nguồn cung không đáp ứng đủ thì sẽ xảy ra tình trạng gì dưới đây?

 **A.** Giá cả ổn định. **B.** Thị trường bão hòa.

 **C.** Giá vật liệu xây dựng giảm. **D.** Giá vật liệu xây dựng tăng.

**Câu 24:**  Một trong những hậu quả do lạm phát gây ra là làm cho nền kinh tế có nguy cơ

 **A.** bất ổn. **B.** suy thoái. **C.** Sụp đổ **D.** vững mạnh.

**Câu 25:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi là người mua hàng trên thị trường, để có lợi, em chọn trường hợp nào sau đây?

 **A.** Cung = cầu. **B.** Cung > cầu. **C.** Cầu tăng. **D.** Cung < cầu.

**Câu 26:**  Đối với xã hội, khi lạm phát xảy ra sẽ khiến cho tình trạng nào dưới đây gia tăng?

 **A.** Thất nghiệp. **B.** Tiêu dùng. **C.** Sản xuất. **D.** Phân phối.

**Câu 27:**  Một trong những biện pháp để góp phần kiểm soát và kiềm chế lạm phát là nhà nước cần

 **A.** tăng bội chi ngân sách. **B.** tăng thuế với doanh nghiệp.

 **C.** tăng mức chi tiêu công. **D.** giảm bội chi ngân sách.

**Câu 28:**  Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa,vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

 **A.** đầu cơ tích trữ hàng hóa. **B.** áp dụng kĩ thuật tiên tiến.

 **C.** hủy hoại môi trường tự nhiên. **D.** làm giả thương hiệu.

**Câu 29:** Việc nhiều chủ sản xuất và kinh doanh hàng giả là phản ánh nội dung nào dưới đây của việc cạnh tranh không lành mạnh?

 **A.** Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường

 **B.** Triệt tiêu động lực sản xuất kinh doanh.

 **C.** Làm cho môi trường suy thoái.

 **D.** Sử dụng những thủ đoạn phi pháp.

**Câu 30:** Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

 **A.** cung. **B.** tổng cung. **C.** tổng cầu. **D.** cầu.

**Câu 31:** Trường hợp nào sau đây được gọi là cung?

 **A.** Công ty A ngày mai sẽ sản xuất thêm 1 triệu sản phẩm.

 **B.** Công ty A xây dựng nhà máy sản xuất hàng hóa.

 **C.** Công ty B thảo kế hoạch sản xuất 1 triệu sản phẩm.

 **D.** Anh A khảo sát nhu cầu thị trường để sản xuất hàng hóa.

**Câu 32:** Thông qua pháp luật, chính sách nhằm cân đối lại cung - cầu là sự vận dụng quan hệ cung cầu của chủ thể nào sau đây?

 **A.** Nhà nước. **B.** Người sản xuất.

 **C.** Người kinh doanh. **D.** Người tiêu dùng.

**Câu 33:** Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy

 **A.** lợi nhuận. **B.** thị trường. **C.** lao động. **D.** nhiên liệu.

**Câu 34:** Nội dung nào dưới đây thể hiện mục đích của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa?

 **A.** Thu lợi nhuận cho người kinh doanh.

 **B.** Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.

 **C.** Kiểm soát tăng trưởng kinh tế.

 **D.** Hạn chế sử dụngnhiên liệu.

**Câu 35:** Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

 **A.** thất nghiệp. **B.** cạnh tranh. **C.** khủng hoảng. **D.** lạm phát.

**Câu 36:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa,vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

 **A.** tung tin bịa đặt về đối thủ. **B.** sử dụng những thủ đoạn phi pháp.

 **C.** hủy hoại tài nguyên môi trường. **D.** hợp lý hóa sản xuất

**Câu 37:** Trên thị trường, khi giá cả tăng lên, lượng cung sẽ

 **A.** không tăng. **B.** tăng lên. **C.** ổn định. **D.** giảm xuống.

**Câu 38:** Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh có vai trò như thế nào đối với sự phát triển?

 **A.** Cơ sở. **B.** Động lực. **C.** Nền tảng. **D.** Triệt tiêu.

**Câu 39:** Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học kĩ thuật phát triển và năng suất lao động xã hội tăng lên là biểu hiện của nội dung nào dưới đây của cạnh tranh kinh tế?

 **A.** Mặt hạn chế của cạnh tranh. **B.** Mục đích của cạnh tranh.

 **C.** Vai trò của cạnh tranh. **D.** Nguyên nhân của cạnh tranh.

**Câu 40:** Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?

 **A.** Nguồn lực. **B.** Chi phí sản xuất.

 **C.** Giá cả. **D.** Năng suất lao động.

**Câu 41:** Vận dụng quan hệ cung - cầu để lí giải tại sao có tình trạng “cháy vé” trong một buổi ca nhạc có nhiều ca sĩ nổi tiếng biểu diễn?

 **A.** Do cung > cầu **B.** Do cung < cầu

 **C.** Do cung = cầu **D.** Do cung, cầu rối loạn

**Câu 42:** Đối với các doanh nghiệp, khi nền kinh tế có dấu hiệu lạm phát việc làm nào dưới đây sẽ góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi vượt qua khủng hoảng?

 **A.** Cho vay vốn ưu đãi với lãi suất thấp. **B.** Giảm lượng tiền doanh nghiệp vay.

 **C.** Dừng sản xuất để đợi hết lạm phát. **D.** Thắt chặt việc xuất khẩu của doanh nghiệp.

**Câu 43:** Trong nền kinh tế thị trường, khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã, để bảo toàn giá trị tài sản của mình, người dân có xu hướng

 **A.** cất giữ tiền mặt. **B.** giữ nhiều tiền mặt.

 **C.** tránh giữ tiền mặt. **D.** đổi nhiều tiền mặt.

**Câu 44:** Nhà sản xuất sẽ quyết định mở rộng kinh doanh khi

 **A.** cầu giảm. **B.** cung giảm. **C.** cầu tăng. **D.** cung tăng.

**Câu 45:** Việc làm nào dưới đây của cơ quan quản lý nhà nước sẽ góp phần kiềm chế tiến tới đẩy lùi nguy cơ lạm phát trong nền kinh tế?

 **A.** Cấm xuất khẩu. **B.** Nâng mệnh giá tiền.

 **C.** Dừng sản xuất. **D.** Giảm cung tiền.

**Câu 46:** Nội dung nào dưới đây có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến lạm phát?

 **A.** lượng cung tiền đưa ra ít. **B.** chi phí sản xuất giảm.

 **C.** Nhà nước mua ngoại tệ. **D.** Các chi phí đầu vào giảm.

**Câu 47:** Trong nền kinh tế thị trường, nội dung nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

 **A.** Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập.

 **B.** Sự tồn tại một chủ sở hữu với tư cách là đơn vị kinh tế độc lập.

 **C.** Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những chủ thể cạnh tranh.

 **D.** Sự tồn tại của một chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập.

**Câu 48:** Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kĩ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

 **A.** Cung không đổi. **B.** Cung tăng lên.

 **C.** Cung giảm xuống. **D.** Cung bằng cầu.

**Câu 49:** Trong nền kinh tế thị trường, khi thu nhập trung bình của người tiêu dùng giảm xuống thì cầu về hàng hoá dịch vụ cũng

 **A.** không thay đổi. **B.** không biến động.

 **C.** luôn cân bằng nhau. **D.** có xu hướng giảm.

**Câu 50:** Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

 **A.** lợi tức **B.** đấu tranh. **C.** cạnh tranh. **D.** lạm phát.

**Câu 51:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cạnh tranh không lành mạnh **không** thể hiện ở việc các chủ thể kinh tế

 **A.** đầu cơ tích trữ. **B.** lạm dụng chất cấm.

 **C.** thu hẹp sản xuất. **D.** gây rối thị trường.

**Câu 52:** Biện pháp nào dưới đây **không** có tác dụng trong việc kiềm chế và kiểm soát lạm phát do cầu kéo?

 **A.** Kiểm soát có hiệu quả việc tăng giá. **B.** Giảm mức cung tiền.

 **C.** Tăng mức cung tiền. **D.** Cắt giảm chi tiêu ngân sách.

**Câu 53:** Lạm phát do tổng cầu của nền kinh tế tăng làm cho mức sản lượng và mức giá chung của nền kinh tế tăng gọi là lạm phát do

 **A.** chu kỳ. **B.** cầu kéo. **C.** chi phí đẩy. **D.** tự nhiên.

**Câu 54:** Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hằng năm, gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế khi đó lạm phát của nền kinh tế ở mức độ

 **A.** lạm phát phi mã. **B.** lạm phát tượng trưng.

 **C.** lạm phát vừa phải. **D.** siêu lạm phát.

**Câu 55:** Trên thực tế, sự vận động của cung, cầu diễn ra

 **A.** cung, cầu thường vận động không ăn khớp nhau.

 **B.** cung thường lớn hơn cầu.

 **C.** cung, cầu thường cân bằng.

 **D.** cầu thường lớn hơn cung.

**Câu 56:** Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

 **A.** làm cho môi trường bị suy thoái. **B.** giành thị trường có lợi để bán hàng.

 **C.** tăng cường độc chiếm thị trường. **D.** tiếp cận bán hàng trực tuyến.

**Câu 57:** Loại hình thất nghiệp được phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống được gọi là

**A.** thất nghiệp cơ cấu. **B.** thất nghiệp tạm thời.

**C.** thất nghiệp chu kỳ. **D.** thất nghiệp tự nguyện.

**Câu 58:** Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

**A.** thất nghiệm cơ cấu. **B.** thất nghiệm tạm thời.

**C.** thất nghiệp tự nguyện. **D.** thất nghiệm chu kỳ.

**Câu 59:** Loại hình thất nghiệp gắn với từng giai đoạn trong chu kỳ kinh tế được gọi là

**A.** thất nghiệp tự nguyện. **B.** thất nghiệp cơ cấu.

**C.** thất nghiệp tự nhiên. **D.** thất nghiệp chu kỳ.

**Câu 60:** Về mặt xã hội, khi thất nghiệp tăng cao sẽ lãng phí

**A.** tài nguyên thiên nhiên. **B.** nguồn lực sản xuất.

**C.** ngân sách nhà nước. **D.** tín dụng thương mại.

**Câu 61:** Khithất nghiệp tăng cao dẫn đến nhu cầu xã hội về hàng hóa và dịch vụ cú xu hướng nào sau đây?

 A. Giảm xuống. B. Tăng lên. C. Ổn định. D. Không đổi.

**Câu 62:** Khithất nghiệp tăng sẽ gây lãng phí nguồn lực làm cho nền kinh tế ảnh hưởng và tốc độ tăng trưởng kinh tế có xu hường nào sau đây?

 A. Giảm xuống. B. Tăng lên. C. Ổn định. D. Không đổi.

**Câu 63:** Khithất nghiệp tăng cao dẫn đến thu nhập của người lao động giảm làm cho các doanh nghiệp có xu hướng nào sau đây trong sản xuất?

 A. Thu hẹp. B. Mở rộng. C. Tăng lên. D. Ổn định.

**Câu 64:** Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động thì khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

**A.** Thất nghiệp. **B.** Thiếu lao động. **C.** Thiếu việc làm. **D.** Lạm phát.

**Câu 65:** Học sinh tham gia ngày hội tư vấn hướng nghiệp là góp phần nâng cao nhận thức về vấn đề nào dưới đây?

**A.** Dân số. **B.** Việc làm. **C.** Thu nhập. **D.** Văn hóa.

**Câu 66.** Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò

**A.** giúp các doanh nghiệp điều tiết lực lượng lao động.

**B.** nâng cao kiến thức cho người lao động và người sử dụng lao động.

**C.** là cơ sở để người sử lao động tìm được việc làm phù hợp cho mình.

**D.** là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường việc làm.

**Câu 67.** Thị trường việc làm kết nối cung - cầu lao động trên thị trường thông qua nhiều hình thức, **ngoại trừ**

A. các phiên giao dịch việc làm.

B. các trung tâm môi giới và giới thiệu việc làm.

C. mở các trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên.

D. thông tin tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**Câu 68:** Hành vi nào sau đây biểu hiện hậu quả của lạm phát ?

A. Cung ứng hàng hóa nhiều trên thị trường.

**B**. Đầu cơ tích trữ hàng hóa, gây rối loạn thị trường.

C. Tỉ lệ thất nghiệp giảm trong quý 4.

D. Giá cả ổn định và kinh tế đi lên.

**Câu 69**: Trong nền kinh tế thị trường, loại lạm phát nào sẽ kích thích sản xuất kinh doanh phát triển ?

**A** . vừa phải. B. phi mã. C. siêu lạm phát. D. siêu phát.

**Câu 70.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân chủ quan dẫn đến tình trạng thất nghiệp?

**A.** Người lao động thiếu kĩ năng làm việc.

**B.** Người lao động bị sa thải do vi phạm kỉ luật.

**C.** Tự thôi việc do không hài lòng với công việc đang có.

**D.** Sự mất cân đối giữa cung và cầu trên thị trường lao động.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KIỂM TRA GIỮA KỲ 1 – NĂM HỌC 2024 - 2025****MÔN GDKT&PL - LỚP 11** *Thời gian làm bài : 45 Phút)* |
|  |
| *ĐỀ MINH HỌA* *(Đề có 03 trang)* |
| Họ tên : ............................................................... Số báo danh : ................... | **Mã đề 001** |
|  |

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)**

**Câu 1:** Việc nhiều chủ sản xuất và kinh doanh hàng giả là phản ánh nội dung nào dưới đây của việc cạnh tranh không lành mạnh?

 **A.** Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường

 **B.** Triệt tiêu động lực sản xuất kinh doanh.

 **C.** Làm cho môi trường suy thoái.

 **D.** Sử dụng những thủ đoạn phi pháp.

**Câu 2:** Khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định là

 **A.** cung. **B.** tổng cung. **C.** tổng cầu. **D.** cầu.

**Câu 3:** Trường hợp nào sau đây được gọi là cung?

 **A.** Công ty A ngày mai sẽ sản xuất thêm 1 triệu sản phẩm.

 **B.** Công ty A xây dựng nhà máy sản xuất hàng hóa.

 **C.** Công ty B thảo kế hoạch sản xuất 1 triệu sản phẩm.

 **D.** Anh A khảo sát nhu cầu thị trường để sản xuất hàng hóa.

**Câu 4:** Thông qua pháp luật, chính sách nhằm cân đối lại cung - cầu là sự vận dụng quan hệ cung cầu của chủ thể nào sau đây?

 **A.** Nhà nước. **B.** Người sản xuất.

 **C.** Người kinh doanh. **D.** Người tiêu dùng.

**Câu 5:** Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hoá là nhằm giành lấy

 **A.** lợi nhuận. **B.** thị trường. **C.** lao động. **D.** nhiên liệu.

**Câu 6:** Nội dung nào dưới đây thể hiện mục đích của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa?

 **A.** Thu lợi nhuận cho người kinh doanh.

 **B.** Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.

 **C.** Kiểm soát tăng trưởng kinh tế.

 **D.** Hạn chế sử dụngnhiên liệu.

**Câu 7:** Người sản xuất, kinh doanh giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh được những rủi ro, bất lợi trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, dịch vụ là một trong những nguyên nhân dẫn đến

 **A.** thất nghiệp. **B.** cạnh tranh. **C.** khủng hoảng. **D.** lạm phát.

**Câu 8:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa,vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

 **A.** tung tin bịa đặt về đối thủ. **B.** sử dụng những thủ đoạn phi pháp.

 **C.** hủy hoại tài nguyên môi trường. **D.** hợp lý hóa sản xuất

**Câu 9:** Trên thị trường, khi giá cả tăng lên, lượng cung sẽ

 **A.** không tăng. **B.** tăng lên. **C.** ổn định. **D.** giảm xuống.

**Câu 10:** Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh có vai trò như thế nào đối với sự phát triển?

 **A.** Cơ sở. **B.** Động lực. **C.** Nền tảng. **D.** Triệt tiêu.

**Câu 11:** Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học kĩ thuật phát triển và năng suất lao động xã hội tăng lên là biểu hiện của nội dung nào dưới đây của cạnh tranh kinh tế?

 **A.** Mặt hạn chế của cạnh tranh. **B.** Mục đích của cạnh tranh.

 **C.** Vai trò của cạnh tranh. **D.** Nguyên nhân của cạnh tranh.

**Câu 12:** Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?

 **A.** Nguồn lực. **B.** Chi phí sản xuất.

 **C.** Giá cả. **D.** Năng suất lao động.

**Câu 13:** Vận dụng quan hệ cung - cầu để lí giải tại sao có tình trạng “cháy vé” trong một buổi ca nhạc có nhiều ca sĩ nổi tiếng biểu diễn?

 **A.** Do cung > cầu **B.** Do cung < cầu

 **C.** Do cung = cầu **D.** Do cung, cầu rối loạn

**Câu 14:** Đối với các doanh nghiệp, khi nền kinh tế có dấu hiệu lạm phát việc làm nào dưới đây sẽ góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi vượt qua khủng hoảng?

 **A.** Cho vay vốn ưu đãi với lãi suất thấp. **B.** Giảm lượng tiền doanh nghiệp vay.

 **C.** Dừng sản xuất để đợi hết lạm phát. **D.** Thắt chặt việc xuất khẩu của doanh nghiệp.

**Câu 15:** Trong nền kinh tế thị trường, khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã, để bảo toàn giá trị tài sản của mình, người dân có xu hướng

 **A.** cất giữ tiền mặt. **B.** giữ nhiều tiền mặt.

 **C.** tránh giữ tiền mặt. **D.** đổi nhiều tiền mặt.

**Câu 16:** Nhà sản xuất sẽ quyết định mở rộng kinh doanh khi

 **A.** cầu giảm. **B.** cung giảm. **C.** cầu tăng. **D.** cung tăng.

**Câu 17:** Việc làm nào dưới đây của cơ quan quản lý nhà nước sẽ góp phần kiềm chế tiến tới đẩy lùi nguy cơ lạm phát trong nền kinh tế?

 **A.** Cấm xuất khẩu. **B.** Nâng mệnh giá tiền.

 **C.** Dừng sản xuất. **D.** Giảm cung tiền.

**Câu 18:** Nội dung nào dưới đây có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến lạm phát?

 **A.** lượng cung tiền đưa ra ít. **B.** chi phí sản xuất giảm.

 **C.** Nhà nước mua ngoại tệ. **D.** Các chi phí đầu vào giảm.

**Câu 19:** Trong nền kinh tế thị trường, nội dung nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

 **A.** Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập.

 **B.** Sự tồn tại một chủ sở hữu với tư cách là đơn vị kinh tế độc lập.

 **C.** Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những chủ thể cạnh tranh.

 **D.** Sự tồn tại của một chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập.

**Câu 20:** Trong nền kinh tế thị trường, nếu công nghệ và kĩ thuật chưa được ứng dụng phổ biến thì năng suất lao động giảm và chi phí lao động sản xuất ra hàng hoá tăng từ đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đối với cung hàng hóa?

 **A.** Cung không đổi. **B.** Cung tăng lên.

 **C.** Cung giảm xuống. **D.** Cung bằng cầu.

**Câu 21:** Trong nền kinh tế thị trường, khi thu nhập trung bình của người tiêu dùng giảm xuống thì cầu về hàng hoá dịch vụ cũng

 **A.** không thay đổi. **B.** không biến động.

 **C.** luôn cân bằng nhau. **D.** có xu hướng giảm.

**Câu 22:** Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của khái niệm

 **A.** lợi tức **B.** đấu tranh. **C.** cạnh tranh. **D.** lạm phát.

**Câu 23:** Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cạnh tranh không lành mạnh **không** thể hiện ở việc các chủ thể kinh tế

 **A.** đầu cơ tích trữ. **B.** lạm dụng chất cấm.

 **C.** thu hẹp sản xuất. **D.** gây rối thị trường.

**Câu 24:** Biện pháp nào dưới đây **không** có tác dụng trong việc kiềm chế và kiểm soát lạm phát do cầu kéo?

 **A.** Kiểm soát có hiệu quả việc tăng giá. **B.** Giảm mức cung tiền.

 **C.** Tăng mức cung tiền. **D.** Cắt giảm chi tiêu ngân sách.

**Câu 25:** Lạm phát do tổng cầu của nền kinh tế tăng làm cho mức sản lượng và mức giá chung của nền kinh tế tăng gọi là lạm phát do

 **A.** chu kỳ. **B.** cầu kéo. **C.** chi phí đẩy. **D.** tự nhiên.

**Câu 26:** Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hằng năm, gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế khi đó lạm phát của nền kinh tế ở mức độ

 **A.** lạm phát phi mã. **B.** lạm phát tượng trưng.

 **C.** lạm phát vừa phải. **D.** siêu lạm phát.

**Câu 27:** Trên thực tế, sự vận động của cung, cầu diễn ra

 **A.** cung, cầu thường vận động không ăn khớp nhau.

 **B.** cung thường lớn hơn cầu.

 **C.** cung, cầu thường cân bằng.

 **D.** cầu thường lớn hơn cung.

**Câu 28:** Trong nền kinh tế hàng hóa, đối với người sản xuất một trong những mục đích của cạnh tranh là nhằm

 **A.** làm cho môi trường bị suy thoái. **B.** giành thị trường có lợi để bán hàng.

 **C.** tăng cường độc chiếm thị trường. **D.** tiếp cận bán hàng trực tuyến.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)**

**Câu 1: ( 2,0 điểm): Em hãy đọc thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi**

Theo Tổng cục Thống kê, bình quân 2 tháng đầu năm 2022, CPI tăng 1,68, so cùng kì năm trước. Yếu tố cơ bản khiến CPI tháng 2 tăng nhanh là do giá xăng dầu tăng làm cho chi phí sản xuất tăng lên; bên cạnh đó, việc triển khai Chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế năm 2022 - 2023 với quy mô 350 000 tỉ đồng cùng với các gói hỗ trợ của năm 2021 đang lan tỏa vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế... cũng làm tăng tổng cầu (dân cư tăng chi tiêu, doanh nghiệp tăng đầu tư, chính phủ tăng chi tiêu mua hàng hoá và dịch vụ.

*a. Chỉ số CPI 1,68% được đề cập ở thông tin trên phản ánh như thế nào về hiện tượng lạm phát ở nước ta ?*

*b. Thông tin trên đã đề cập đến những nguyên nhân nào gây ra hiện tượng lạm phát?*

**Câu 2: ( 1,0 điểm): Em hãy đọc thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi**

Theo bản tin thị trường lao động Việt Nam quý III năm 2022: Năm nhóm ngành có nhu cầu tuyến dụng nhiều nhất: công nghiệp chế tạo; thông tin và truyền thông; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ. Năm nghề có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất: tài chính, kế toán, nhân viên phần mềm, ngân hàng, marketing. Năm nghề người lao động đi tìm việc nhiều nhất: lao động kĩ thuật trong công nghiệp, hành chính, bán hàng trong lĩnh vực bất động sản, tiếp thị kĩ thuật số bán hàng, y tế và chăm sóc sức khoẻ. Dự báo nhu câu việc làm sẽ tăng ở một số ngành: sản xuất phương tiện vận tải, sản xuất sản phẩm điện tử. (Tông cục Thông kê, *Bản tin thị trường lao động Việt Nam quý III năm 2022*)

 *Em cần làm gì để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp?*

***------ HẾT ------***